



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2019**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2020*

## **I. Thông tin chung:**

### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 140.964.860.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 140.964.860.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824. - Website: <http://www.vosa.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VSA

### **❖ Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
- Ngày 08/08/1989: Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 12/05/1993: Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 30/12/2005: Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
- Ngày 31/03/2006: Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 14/06/2006: Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 20/10/2006: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 09 (ngày 19/07/2019).

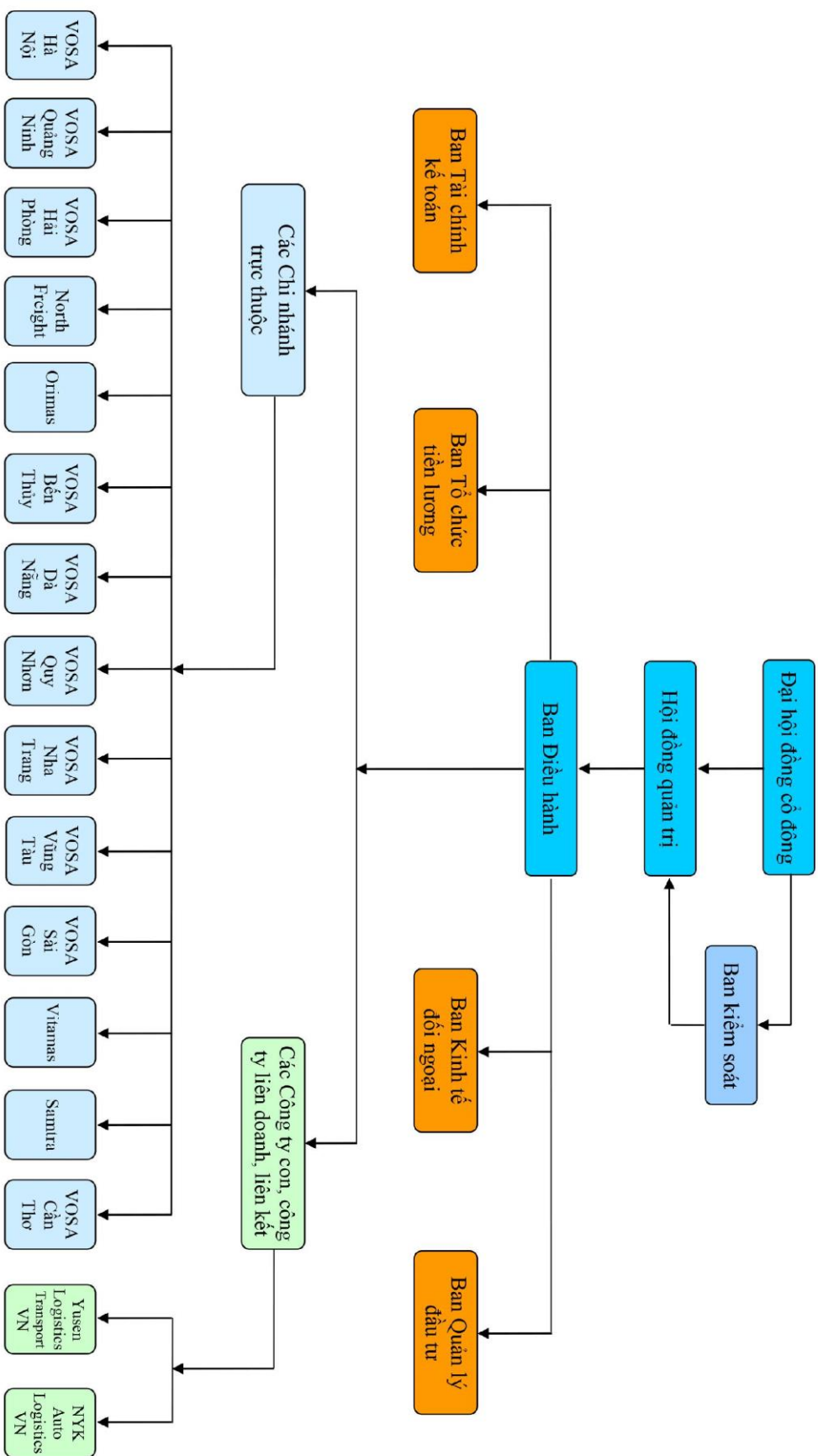
### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan). Vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh kho bãi.
- Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính là TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các Văn phòng đại diện, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**



### - Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ ĐLVT đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51 (*)
2	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Toà nhà Saigon Riverside Center, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	320.000 USD	20

(\*) Theo hợp đồng liên doanh: Công ty thỏa thuận nhượng quyền điều hành cho đối tác và nhận tiền đền bù.

### - Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	1,00
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

## 4. Định hướng phát triển:

### - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Xây dựng Công ty thành một trong những Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng cho khách hàng; thương mại xuất nhập khẩu; triển khai vận tải đa phương thức; mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh trên khắp các cảng và các vùng kinh tế trọng điểm trong nước, định hướng phát triển ra thị trường thế giới;

+ Gắn liền công tác sản xuất kinh doanh với ứng dụng công nghệ mới và quản trị tốt nhất các nguồn lực; Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Phát triển nguồn nhân lực, nhất là phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng chung của đất nước.

**- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

**5. Các rủi ro:**

- Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

**5.1. Rủi ro về kinh tế:**

- Việt Nam là nền kinh tế có lượng xuất khẩu vượt qua GDP và dễ bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của ba thị trường hàng đầu là Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Kinh tế Việt Nam cũng sẽ không miễn nhiễm với việc chậm lại của kinh tế toàn cầu trong năm nay dù được xem là người hưởng lợi chính từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung. Minh chứng là tăng trưởng xuất khẩu giảm từ 21% năm 2017 xuống còn 8% năm 2019. Tăng trưởng xuất khẩu còn giảm rõ rệt hơn nếu nhìn vào các thị trường xuất khẩu ngoài Mỹ khi chỉ tăng được 3,6% trong 11 tháng đầu năm 2019.

- FDI vào các cơ sở sản xuất kinh doanh mới cũng tăng chậm lại 30% so với hai năm trước đó, kể cả sau khi đã tính đến sự tăng trưởng trong đầu tư qua kênh mua bán sáp nhập (M&A). Mặc dù đóng góp nhiều cho tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao của Việt Nam, các doanh nghiệp FDI cũng là các doanh nghiệp nhập khẩu lớn. Theo ước tính bình quân, cứ mỗi 1 USD xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam thì có khoảng 0,4 USD được dùng để mua vật tư đầu vào từ nước ngoài. Tỷ lệ như vậy là tương đối cao theo các chuẩn mực quốc tế. Một quan ngại nữa là FDI tập trung chủ yếu ở các ngành chế tạo, chế biến xuất khẩu, đòi hỏi kỹ năng thấp, không có nhiều tiềm năng tăng lương thực tế cho lực lượng lao động trong nước.

- Triển vọng trong trung hạn của Việt Nam vẫn có một số rủi ro theo hướng suy giảm cả từ trong nước và bên ngoài.

- Nhìn từ trong nước, chậm trễ trong triển khai những cải cách cơ cấu có thể làm cho viễn cảnh tăng trưởng trung hạn trở nên xấu đi. Chương trình cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước sau khi được khởi đầu đầy hứa hẹn vào năm 2017 đã bị chững lại đáng kể trong những tháng qua.

- Nhìn từ bên ngoài, tranh chấp thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể ảnh hưởng xấu đến đà xuất khẩu trong ngắn hạn, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng nếu nền kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm qua các kênh thương mại và đầu tư.

- Sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài có thể nguội đi khi nhiều nhà đầu tư có thể đình hoãn hoặc hủy dự án. Nếu cả xuất khẩu và dòng vốn FDI đều chững lại, nền kinh tế Việt Nam có thể mất đi động lực tăng trưởng chính. Lạm phát 2019 được kiềm chế, ở mức thấp nhất ba năm nhưng tình hình giá thịt lợn tăng tốc thời gian qua làm gia tăng áp lực lạm phát trong năm nay. Ngoài ra, việc tăng lương tối thiểu từ ngày 01/01/2020 cũng sẽ tạo ra thêm áp lực đối với lạm phát. Lạm phát được dự báo sẽ đạt mức 3,8% trong năm 2020, cao hơn mức dự báo 3,5% trước đó và Ngân hàng Nhà nước nhiều khả năng sẽ giảm lãi suất trong quý III.

**5.2. Rủi ro về luật pháp:**

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh

hướng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: thay đổi chính sách về BHXH, tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

### **5.3. Rủi ro đặc thù:**

- Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

+ Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu.

+ Tuy nhiên, do Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, mà trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

- Rủi ro cạnh tranh:

+ Đối với ngành vận tải, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

### **5.4. Rủi ro khác:**

- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như, chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2019:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- GDP năm 2019 tăng trưởng ấn tượng ở mức 7,02% bất chấp sự giảm tốc của nền kinh tế thế giới. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP vượt mức 7% kể từ năm 2011.

- Song ý nghĩa hơn con số 7,02% là tăng trưởng cao nhưng Việt Nam vẫn duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô với việc giữ lạm phát ở mức thấp, nợ công giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 500 tỷ USD, doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện ...

- Đặc biệt, quy mô nền kinh tế với chất lượng ngày càng tăng như tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,07 năm 2019.

- Năm 2019, xuất nhập khẩu Việt Nam thiết lập "kỷ lục mới" với kim ngạch đạt 516,9 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% và nhập khẩu đạt 253,5 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018.

- Như vậy, năm thứ tư liên tiếp Việt Nam tiếp tục có xuất siêu với 9,94 tỷ USD tỷ USD, vượt xa so với con số kỷ lục 7,2 tỷ USD được thiết lập năm 2018. Đây là thành tựu quan trọng của kinh tế Việt Nam.

- Đáng chú ý, con số 516,9 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu đã giúp Việt Nam lọt top 30 quốc gia có tăng trưởng xuất nhập khẩu tốt trên thế giới. Xét riêng lĩnh vực xuất khẩu, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có quy mô xuất khẩu đứng thứ 22 trên thế giới.

- Kết quả này càng trở nên có ý nghĩa trong bối cảnh kinh tế thế giới trong năm 2019 tăng trưởng chậm với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Thương mại toàn cầu cũng giảm tốc, xuất khẩu của các nước trong khu vực và thế giới đều giảm so với cùng kỳ năm 2018.

- Các cảng của Việt Nam đang bị quá tải, cảng và đường bị tắc nghẽn, nếu Việt Nam không thể đẩy nhanh tiến độ trong việc thu hẹp khoảng cách cơ sở hạ tầng, thì Việt Nam sẽ có nguy cơ mất đi vị thế sản xuất đã thu hút rất nhiều nhà sản xuất.

- Cơ sở hạ tầng là thách thức lớn đối với Việt Nam, đặc biệt là tại về cảng biển. Theo số liệu của Trung Quốc, nước này chiếm 6 trong số 10 cảng hàng đầu về lưu lượng container trên thế giới - bao gồm Thượng Hải ở vị trí số 1 - trong khi hai cảng lớn nhất của Việt Nam là cảng biển Hồ Chí Minh và Cái Mép, chỉ xếp thứ 25 và số 50. Sự tắc nghẽn tại các cảng có nghĩa là chi phí tồn kho tăng và dây chuyền sản xuất ít đa dạng hơn, giao thương sẽ bị giới hạn.

- Ba thách thức lớn nhất của ngành vận tải và logistics Việt Nam hiện nay bao gồm: (1) Cơ sở hạ tầng như hệ thống cảng biển, kho bãi, kết nối... còn hạn chế, bất cập; (2) Hạn chế về quy mô vốn, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn chưa cao; (3) Các loại thuế, phí cầu đường và phụ phí cao.

- Sự phát triển bất cân đối của hệ thống cảng biển Việt Nam khi hơn 70% lưu lượng container phía Nam tập trung ở Cảng Cát Lái dẫn đến tình trạng quá tải, kẹt cảng... gây ra sự lãng phí rất lớn.

- Vốn và nhân lực là nguyên nhân chính khiến các doanh nghiệp trong nước khó cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Đa số trên 70% doanh nghiệp vận tải và logistics đang hoạt động hiện nay có quy mô vốn vừa và nhỏ, 7% có vốn trên 1.000 tỉ đồng, trong đó chủ yếu nhóm vốn lớn là các doanh nghiệp đa quốc gia.

- Về vấn đề chi phí logistics, chi phí vận tải tại Việt Nam hiện đang ở mức cao (gấp 3 lần so với các nước trong khu vực và thế giới) và không đồng đều ở các khu vực, nguyên nhân chủ yếu do các loại thuế, phí cầu đường và phụ phí hiện khá cao, gián tiếp làm giảm khả năng cạnh tranh so với các nước khác.

- Ở góc độ chiến lược, Việt Nam đang phát triển theo xu hướng trở thành trung tâm sản xuất hàng hóa trong khu vực với định hướng tăng cường xuất khẩu. Ngay cả với thị trường trong nước, tốc độ phát triển của tầng lớp trung lưu, đô thị hóa và thương mại điện tử sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và sử dụng dịch vụ logistics nội địa. Ngành logistics được dự báo sẽ chiếm 8 - 10% tổng GDP của Việt Nam vào năm 2025. Các doanh nghiệp thuộc nhóm nước đang đầu tư nhiều vào Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Pháp... vẫn sẽ tiếp tục đầu tư.

- Ngành logistics Việt Nam vẫn còn nhiều điểm yếu, chi phí logistics cao; thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp dịch vụ với nhau và với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp xuất nhập khẩu; quy mô và tiềm lực về tài chính của các doanh nghiệp logistics Việt Nam yếu, tổ chức mạng lưới toàn cầu, hệ thống thông tin còn rất hạn chế. Nguồn nhân lực làm dịch vụ logistics chưa qua đào tạo bài bản và còn thiếu...

**\* Kết quả SXKD năm 2019:**

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2018
Tổng doanh thu	995.000	905.253	975.018	91 %	93 %
Doanh thu kinh doanh	970.000	878.333	914.804	91%	96%
Lợi nhuận trước thuế	55.000	42.195	61.335	77%	69 %

- Doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do doanh thu từ đại lý vận tải giảm mạnh khi không có một số hoạt động thương mại đột biến và doanh thu tài chính (năm trước có ghi nhận phần chuyển nhượng vốn góp của VOSA tại VOSA Land với mức doanh thu/lợi nhuận tài chính khoảng 33,4 tỷ đồng).

- Các hoạt động dịch vụ khác có tăng trưởng về sản lượng nhưng không bù đắp được sự sụt giảm từ hai nguồn doanh thu trên nên doanh thu chung và lợi nhuận của công ty đều giảm sút.

- Trong quý III/2019, công ty phải nộp khoản truy thu tiền thuê đất kho bãi tại Quy Nhơn, Bình Định với số tiền là 2,5 tỷ đồng (trong những năm qua do đang yêu cầu thu hồi đất nên UBND Tỉnh Bình Định/Cục Thuế tỉnh Bình Định chưa gửi thông báo nộp tiền thuê đất cho thời gian từ 07/12/2015 đến 31/05/2019) nên ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty.

- Hãng tàu Namsung đã tách ra thành lập công ty của họ tại Việt Nam và chấm dứt hợp đồng đại lý liner với công ty từ cuối tháng 07/2019 khiến cho doanh thu và lợi nhuận từ dịch vụ đại lý liner của công ty đều sụt giảm mạnh trong quý III/2019.

- Hoạt động dịch vụ đại lý tàu trong năm 2019 tăng về số lượng tàu phục vụ so với năm 2018. Các chi nhánh có số lượng tàu phục vụ tăng nhiều là VOSA Bến Thủy, VOSA Nha Trang, VOSA Cần Thơ, VOSA Vũng Tàu. Các tàu mà các chi nhánh này phục vụ chủ yếu là những tàu nhỏ hoặc tàu chở hàng nội địa, hàng hóa phục vụ không tăng tương ứng với số lượng tàu phục vụ nên đại lý phí rất thấp. Dù lượng tàu phục vụ tăng và doanh thu xấp xỉ cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận từ đại lý tàu giảm sút so với cùng kỳ.

- Tại TP. HCM, các hãng tàu container lớn đang tạo liên kết để tăng sức cạnh tranh và ngày càng làm cho các hãng tàu nhỏ phải giảm bớt tuyến để cắt giảm chi phí. Do bị tắc nghẽn cầu cảng tại Philippine làm ảnh hưởng đến việc tàu phải chờ cầu quá lâu nên hãng tàu ONE phải cắt giảm tuyến và giảm sản lượng tàu về khu vực TP. HCM. Các hãng tàu container do Ben Lines khai thác giảm số chuyến có hành trình đến/đi Trung Quốc đã làm hưởng đến sản lượng đại lý tàu chi nhánh Vitamas trong 6 tháng qua. Hãng tàu ONE thì bỏ tuyến tàu vào cảng Tân Cảng Hiệp Phước vì sản lượng thấp và do tàu phải chờ cầu rất lâu tại Philippine, hiện nay mỗi tuần chỉ còn 2 lượt tàu, một tàu vào cảng Cát Lái và một tàu vào cảng Cái Mép.

- Giá nhiên liệu biến động liên tục khiến cho chi phí vận tải và chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, lợi nhuận giảm sút khi không thể điều chỉnh giá dịch vụ cho những hợp đồng dài hạn.

- Phần lớn các doanh nghiệp logistics nước ngoài đã thành lập công ty riêng của họ, chỉ để lại một số loại hình kinh doanh còn hạn chế cho các doanh nghiệp Việt Nam, các liên doanh nên sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng khốc liệt, cơ hội phát triển càng khó khăn.

- Các thân chủ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên yêu cầu các đơn vị làm dịch vụ chia sẻ khó khăn bằng cách giảm giá dịch vụ, dùng nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ để ép giảm giá hoặc chỉ ký hợp đồng dịch vụ ngắn hạn.

- Để ký được hợp đồng dài hạn, công ty phải chấp nhận cung cấp dịch vụ với giá rất thấp để có thể thắng thầu và được chỉ định cung cấp dịch vụ.

## **2. Đánh giá hiệu quả từng hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### **2.1. Hoạt động đại lý tàu:**

- Sản lượng đại lý tàu đạt 3.310 tàu - tăng 9% so với năm 2018; trong đó: tàu hàng rời tăng 21% do sản lượng tàu tại khu vực Hà Tĩnh và TP. HCM tăng lên, tàu container giảm 26% do các hãng tàu container cắt hủy chuyến.

- Mặc dù sản lượng tăng lên nhưng doanh thu chung chỉ xấp xỉ doanh thu năm 2018.

- Đây là loại hình mang tính cạnh tranh khốc liệt vì các công ty nước ngoài có hệ thống toàn cầu đã liên kết để giành quyền làm đại lý tàu cho các tàu của họ tại Việt Nam, các công ty tư nhân thì phá giá và chấp nhận làm với mọi mức giá, thậm chí miễn phí đại lý để giành các dịch vụ



khác nên công ty cũng phải chấp nhận điều chỉnh giá dịch vụ ở mức rất thấp để có việc làm nên doanh thu không tăng nhiều dù sản lượng tăng.

- Doanh thu đại lý tàu chỉ chiếm tỷ trọng 6,7% của doanh thu kinh doanh nhưng chiếm tỷ trọng 30,1% của lợi nhuận gộp.

- Xác định đây là hoạt động truyền thông và mang lại hiệu quả tốt nhưng thị phần để phát triển rất hẹp và khó khăn nên ngoài việc giữ chân các khách hàng truyền thông thì công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới, tranh thủ sự ủng hộ của các chủ hàng để tăng sản lượng và doanh thu.

## 2.2. Hoạt động đại lý liner:

- Sản lượng đại lý liner đạt 93.474 Teus - giảm 32% so với năm 2018 do việc hãng tàu Namsung Shipping chấm dứt hợp đồng đại lý từ ngày 31/07/2019 để thành lập công ty 100% vốn nước ngoài kéo theo doanh thu từng hoạt động này giảm mạnh (giảm 29%).

- Doanh thu từ đại lý liner chỉ chiếm 2,55% của doanh thu kinh doanh nhưng chiếm tỷ trọng 12,52% của lợi nhuận gộp.

- Đây cũng là hoạt động mang lại hiệu quả cao và có ảnh hưởng đến các hoạt động dịch vụ khác như đại lý vận tải, kiểm đếm nên công ty đang chú trọng tìm kiếm và tiếp cận các hãng tàu container (hiện chỉ còn các hãng tàu nhỏ chạy nội Á hoặc các hãng khai thác không tàu) đang có kế hoạch khai thác tại thị trường Việt Nam để bù đắp cho việc hãng tàu Namsung chấm dứt hợp đồng.

## 2.3. Hoạt động đại lý vận tải:

- Doanh thu đại lý vận tải chỉ bằng 90% so với năm 2018 do một số yếu tố sau:

+ Trong doanh thu năm 2018 có ghi nhận doanh thu từ hoạt động thương mại đột biên (khoảng 23 tỷ đồng) do xuất hóa đơn trọn gói dịch vụ - hoạt động này không thực hiện được trong năm 2019 do khách hàng không xuất được hàng biên mậu vì có sự thay đổi chính sách quản lý của nhà nước;

+ Các dự án của nhà thầu xây dựng cảng Lạch Huyện đã kết thúc;

+ Lượng hàng qua khu vực cảng Cái Lân giảm mạnh nên ảnh hưởng đến hoạt động đại lý vận tải tại khu vực;

+ Các hợp đồng dài hạn phải chấp nhận bỏ thầu với giá rất thấp để giành được hợp đồng nên doanh thu và lợi nhuận biên không cao.

+ Doanh thu đại lý vận tải chiếm tỷ trọng 58,8% của doanh thu kinh doanh và chiếm 30,5% của lợi nhuận gộp.

- Đây là hoạt động cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất và vốn lưu động cao để có thể hoạt động cạnh tranh. Mặc dù còn những hạn chế về cơ sở vật chất (kho bãi, phương tiện) nhưng công ty xác định vẫn phải tiếp tục chú trọng đẩy mạnh hoạt động này dù thị phần về logistics tại Việt Nam do các công ty logistics toàn cầu chiếm thị phần lớn nhưng công ty sẽ tập trung vào những phân khúc nhỏ hơn, phù hợp hơn với điều kiện về cơ sở vật chất và vốn của mình.

## 2.4. Hoạt động kho bãi:

- Doanh thu tăng 11,6% so với năm 2018.

- Số lượng kho bãi của công ty vẫn như năm 2018, chủ yếu hoạt động tại khu vực phía Bắc (Quảng Ninh và Hải Phòng). Doanh thu tăng do công ty phải thuê thêm một số kho bên ngoài phục vụ khách hàng (không mang lại lợi nhuận từ hoạt động kho bãi mà chỉ để cung cấp dịch vụ đại lý vận tải) nên tuy doanh thu tăng nhưng lợi nhuận gộp chỉ xấp xỉ năm 2018.

- Kho bãi tại khu vực Hải Phòng đang gặp nhiều khó khăn khi các hãng tàu đang chuyển ra các kho bãi và depot tại khu vực Lạch Huyện để cắt giảm chi phí vận chuyển nên với vị trí không phù hợp thì việc khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn.

- Kho bãi tại khu vực Quy Nhơn và Đà Nẵng hoạt động không hiệu quả do lượng hàng hóa lưu kho rất ít.

- Kho bãi tại khu vực quận 7, TP. HCM khó khai thác vì khu vực này tiếp tục bị sụt lún, nền kho nứt, đường vào khó khăn nên để có thể khai thác cần phải có chi phí rất lớn để sửa chữa.

- Doanh thu từ hoạt động kho bãi chiếm tỷ trọng 16,4% của doanh thu kinh doanh và chiếm 8% tỷ trọng lợi nhuận gộp.

#### 2.5. Hoạt động kiểm đếm:

- Năm 2019, lượng ô tô nhập về tăng vọt nên doanh thu kiểm đếm của đơn vị cũng tăng bù đắp cho sự sụt giảm từ kiểm đếm hàng hóa.

- Doanh thu kiểm đếm xấp xỉ năm 2018, chiếm tỷ trọng 3% của doanh thu kinh doanh và chiếm tỷ trọng 12.5% của lợi nhuận gộp.

- Đối với hàng container, các cảng đã cung cấp dịch vụ kiểm đếm miễn phí cho các hãng tàu nên còn rất ít hãng sử dụng dịch vụ của công ty.

- Công ty chú trọng tập trung dịch vụ đối với các tàu hàng rời có kiểm đếm và một số dịch vụ phụ trợ để tăng doanh thu.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### - Danh sách Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	26/06/2019	1.452	0,01
2	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	02/03/2017	1.089	0,01
3	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014 <b>26/06/2019</b>	2.783	0,02
4	Võ Trung Thắng	01/01/1977	Phó Ban Phụ trách Ban TCKT	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	01/03/2016	605	0,01

### - Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Trong năm 2019, Công ty đã ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại nhân sự bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và đang thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

+ Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh và các dự án khác:

Năm 2019 Công ty được phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng và 3 dự án mua sắm thiết bị. Tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan nên không có dự án nào được triển khai. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2019
<b>Dự án ĐTXDCB</b>				
<b>1</b>	<b>VOSA QUẢNG NINH</b>			
1.1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	6.500	0%	Thực hiện bởi Trung tâm phát triển quỹ đất TP. Hạ Long
1.2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	2.700	0%	Ban QL Khu Kinh tế QN và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm lập khối lượng và giá trị GPMB phạm vi thu hồi đất (vào khu đất của VOSA QN). Sau khi có thông báo về giá trị đền bù được phê duyệt và QĐ thu hồi đất VOSA QN mới được tiến hành phá dỡ, xây dựng tuyến hàng rào. Do nhu cầu khai thác đã mở đường vào công số 2 khu kho bãi Cái Lân.
1.3	Cải tạo nhà làm việc tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu VP làm việc hiện tại	3.750	0%	Đã mời đơn vị tư vấn khảo sát lập thiết kế sơ bộ, trước khi đánh giá lập TKKT thi công và dự toán công trình.
1.4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu VP	1.200	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thác hiện. Trong năm 2020 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
1.5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	1.500	0%	
<b>2</b>	<b>NORTHFREIGHT</b>			
2.1	Sửa chữa kho, bãi container	300	0%	Do khai thác kho bãi sản lượng hàng hóa thấp, doanh thu và lợi nhuận không cao nên NF tạm dừng việc đầu tư sửa chữa

2.2	Xây dựng tường rào	200	0%	Đây là kế hoạch đầu tư dự phòng. Vì kho bãi của NF nằm dưới sự quản lý của hải quan, nếu NF muốn kinh doanh hàng hóa không nằm dưới sự giám sát của hải quan (hàng hóa nội địa hoặc hàng đã thông quan) thì phải xây tường ngăn cách, có cổng đi riêng và phải làm lại giấy phép của Tổng cục hải quan. Giai đoạn 2018 NF có khách hàng muốn thuê một phần bãi vì vậy NF mới xây dựng phương án đầu tư, nhưng do đơn giá thuê quá thấp, không đủ bù lại chi phí nên năm 2019 NF không đầu tư xây tường rào ngăn.
3	<b>VOSA QUY NHƠN</b>			
3.1	Sửa chữa văn phòng VOSA 147 Trần Hưng Đạo, Quy nhơn	2.159	0%	Do tình hình kinh doanh năm 2019 gặp nhiều khó khăn nên HĐQT quyết định tạm dừng việc sửa chữa.
4	<b>VOSA SÀI GÒN</b>			
4.1	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	10.000	0%	Chậm triển khai do chậm phê duyệt kế hoạch và một số hồ sơ pháp lý tại địa phương. Hiện nay dự án đang hoàn thiện hồ sơ Báo cáo đầu tư. Dự án chuyển sang kế hoạch năm 2020.
<b>Dự án mua sắm thiết bị/phương tiện/máy móc</b>				
1	<b>NORTHFREIGHT</b>			
1.1	Mua xe ô tô vận tải	4.700	0%	Các xe nhập về VN năm 2019 bắt buộc phải nhập xe tiêu chuẩn khí thải EURO 4, vì điều kiện này đã làm cho giá xe trên thị trường năm 2019 tăng từ 15% đến 20% so với năm 2018. Việc đầu tư sẽ tăng vốn lên từ 200 đến 300tr đ/xe nên NF không đầu tư mua xe nữa vì khai thác không hiệu quả.
2	<b>VOSA HẢI PHÒNG</b>			
2.1	Mua xe ô tô	1.200	0%	Do tình hình kinh doanh năm 2019 gặp nhiều khó khăn nên dự án chưa được triển khai.
3	<b>VOSA NHA TRANG</b>			
3.1	Mua xe ô tô	1.000	0%	Chuyển xe từ VOSA Hà Nội về VOSA Nha Trang sử dụng nên không mua mới.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

#### 3.2.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) - YLTV:

- Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000 USD).
- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
- Tháng 03 hàng năm, VOSA đã nhận tiền nhượng quyền quản lý năm tài chính là 40.000 USD cố định.

### 3.2.2 - Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam):

- Ngày 02/12/2016, tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam).

- Vốn Điều lệ của Công ty là 1.000.000 USD, trong đó cơ cấu vốn góp như sau:

+ Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) góp 200.000USD (20%) tương đương 4,54 tỷ đồng.

+ Hãng tàu Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK LINE) góp 800.000USD (80%).

- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.

- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/06/2017 và chính thức hoạt động.

- Đến tháng 5/2019, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.000.000USD lên 1.600.000USD, với tỷ lệ góp vốn các bên giữ nguyên. VOSA đã thực góp đủ vốn.

### 3.2.3 - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

- VOSA góp 1% (4.000 USD) vốn điều lệ trong liên doanh và VOSA được nhận một khoản lợi nhuận cố định (5.000 USD/năm) cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

## 4. Tình hình tài chính:

a) **Tình hình tài chính:** (\*) Tỷ lệ trả cổ năm 2019 dự kiến là 10% bằng tiền mặt.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	551.417.666.640	628.812.040.758	-12 %
Doanh thu thuần	878.333.399.910	914.803.795.976	-4 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.571.255.098	62.510.147.295	-33 %
Lợi nhuận khác	623.685.083	(1.175.600.000)	+53 %
Lợi nhuận trước thuế	42.194.940.181	61.334.547.295	-31%
Lợi nhuận sau thuế	36.313.548.374	51.589.631.900	-30%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	10%	20%	

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,725	1,499	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,725	1,499	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,374	0,449	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,598	0,815	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	N/A	N/A	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,592	1,455	

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,041	0,056	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,105	0,149	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,066	0,082	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,047	0,068	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2019):

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 14.096.486 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cp).

+ Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 14.096.486 cổ phần.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

#### b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (05 cổ đông)	7.748.457	54,97
2	Cổ đông cá nhân (696 cổ đông)	6.348.029	45,03
	<b>Cộng 1 + 2</b>	14.096.486	100,00
3	Cổ đông lớn (04 cổ đông)	10.723.356	76,08
4	Cổ đông nhỏ (697 cổ đông)	3.373.130	23,92
	<b>Cộng 3 + 4</b>	14.096.486	100,00
5	Cổ đông trong nước (695 cổ đông)	13.540.546	96,05
6	Cổ đông nước ngoài (06 cổ đông)	555.940	3,95
	<b>Cộng 5 + 6</b>	14.096.486	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	7.196.838	51,05
8	Cổ đông khác	6.899.648	48,95
	<b>Cộng 7 + 8</b>	14.096.486	100,00
	<b>701 cổ đông tổ chức và cá nhân</b>	<b>14.096.486</b>	<b>100,00</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

#### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

**6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...
- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBCVN thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

**6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 580 người.
- Cơ cấu phân bổ lao động:

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Phân theo đối tượng lao động</b>			
1	Người quản lý	Người	4	0,30
2	Lao động trực tiếp SXKD	Người	442	76,20
3	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	80	13,79
4	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	54	9,31
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>			
1	Đại học và sau đại học	Người	427	73,62
2	Cao đẳng và Trung cấp	Người	59	10,17
3	Khác	Người	94	16,21

+ Thu nhập bình quân năm 2019: 12.937.613 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn tại các lớp học về chuyên môn nghiệp vụ như: quản trị công ty, kế toán, logistics,... để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về Luật thuế, BHXH, Luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

+ Tổ chức Hội thảo chuyên đề về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường nhằm tạo sự gắn kết và phối hợp giữa các chi nhánh trong toàn Công ty và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ lãnh đạo làm công tác chuyên môn.

- + Kế hoạch năm 2020:
  - \_ Tiếp tục tổ chức khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường.
  - \_ Tổ chức Hội thảo chuyên đề về lĩnh vực Tài chính kế toán, Tổ chức tiền lương.
  - \_ Tổ chức chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm.

#### 6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.
- + Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- + Công ty và toàn thể CBCNV tích cực tham gia đóng góp Quỹ ủng hộ CBCNV nghèo của Bộ GTVT, Tổng công ty Hàng hải và địa phương phát động ...
- + Công ty tiếp tục phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng tại TP. HCM, Bến Tre, Quảng Nam, Hưng Yên v.v.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2019 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2019 và đã được nhất trí thông qua, cụ thể như sau:

- + Tổng doanh thu: 995.000.000.000 đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 55.000.000.000 đồng.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2018
Tổng doanh thu	995.000	905.253	975.018	91 %	93 %
Doanh thu kinh doanh	970.000	878.333	914.804	91 %	96 %
Lợi nhuận trước thuế	55.000	42.195	61.335	77 %	69 %

\* Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty không đạt kế hoạch được giao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Việc hãng tàu Namsung Shipping chấm dứt hợp đồng đại lý từ 01/08/2019 và thông báo chính thức từ cuối tháng 02/2019 sau khi các chỉ tiêu kế hoạch đã được xây dựng và giao nên công ty chưa thể bù đắp ngay được phần lợi nhuận giảm sút.

- Việc truy thu tiền thuê đất tại Quy Nhơn, Bình Định cũng ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty trong năm 2019.

- Mặc dù sản lượng phục vụ đại lý tàu và logistics tăng nhưng lợi nhuận biên ngày càng giảm sút nên ảnh hưởng đến tổng lợi nhuận của toàn công ty.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

- + Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.



- + Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- + Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.
- + Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.
- + Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.
- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

Tuy nhiên, nhận định về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019 và những yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, dù còn nhiều khó khăn phải đối mặt nhưng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã đặt kế hoạch cho năm 2020 không giảm so với năm trước.

## 2. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

#### a.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>92.728.071.790</b>	<b>38.015.819</b>	<b>46.860.558.242</b>	<b>4.793.737.887</b>	<b>144.420.383.738</b>
- Mua trong năm		-	8.238.979.999	-	8.238.979.999
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.345.506.118	-		-	6.345.506.118
- Thanh lý, nhượng bán		-	(5.430.415.478)	-	(5.430.415.478)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(172.289.600)				(172.289.600)
-Phân loại lại		(38.015.819)		38.015.819	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>98.738.233.762</b>		<b>49.669.122.763</b>	<b>4.831.753.706</b>	<b>153.402.164.777</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>51.354.506.118</b>	<b>38.015.819</b>	<b>32.172.526.296</b>	<b>4.559.573.148</b>	<b>88.124.621.381</b>
- Khấu hao trong năm	3.943.843.509	-	4.466.003.510	66.465.048	8.476.312.067
- Thanh lý, nhượng bán		-	(5.373.121.523)	-	(5.373.121.523)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(7.201.378)				(7.201.378)
-Phân loại lại	(7.145.535)	(38.015.819)	(37.521.192)	82.682.546	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.858.039.680</b>		<b>31.227.887.091</b>	<b>4.708.720.742</b>	<b>91.220.610.547</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>41.373.565.672</b>	-	<b>14.688.031.946</b>	<b>234.164.739</b>	<b>56.295.762.357</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.617.285.594</b>	-	<b>18.441.235.672</b>	<b>123.032.964</b>	<b>62.181.554.230</b>

## a.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	<b>20.346.655.528</b>	<b>2.034.579.300</b>	<b>22.381.234.828</b>
- Mua trong năm		73.500.000	73.500.000
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(1.687.563.804)		(1.687.563.804)
Số cuối năm	<b>18.659.091.724</b>	<b>2.108.079.300</b>	<b>20.767.171.024</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	<b>1.588.716.942</b>	<b>2.004.023.746</b>	<b>3.592.740.688</b>
- Khấu hao trong năm	208.343.388	21.566.668	229.910.056
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(427.516.133)		(427.516.133)
Số cuối năm	<b>1.369.544.197</b>	<b>2.025.590.414</b>	<b>3.395.134.611</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	18.757.938.586	30.555.554	18.788.494.140
Số cuối năm	<b>17.289.547.527</b>	<b>82.488.886</b>	<b>17.372.036.413</b>

## a.3. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	74.584.104.356
Số cuối năm	74.584.104.356
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	37.203.713.404
Khấu hao trong năm	3.966.210.298
Số cuối năm	41.169.923.702
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	37.380.390.952
Số cuối năm	33.414.180.654

## a.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Dự án nhà văn phòng Vitamas	5.444.003.264	
Dự án xe đầu kéo, mi rơ móc North Freight	6.295.251.818	
Công trình khác	40.000.000	200.522.727
	<b>11.779.255.082</b>	<b>200.522.727</b>

## - Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Doanh thu / Tổng tài sản BQ	1,49	1,49
Doanh thu / Tài sản dài hạn BQ	4,33	4,09
Doanh thu / Nguyên giá TSCĐ BQ	5,15	5,56
LNST / Tổng tài sản BQ	0,06	0,08
LNST / Tài sản dài hạn BQ	0,18	0,23
LNST / Nguyên giá TSCĐ BQ	0,21	0,31

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	264.503.773	5.810.486.776
Trích lập dự phòng bổ sung	165.182.024	29.912.632
Hoàn nhập dự phòng	41.815.378	-
Xử lý xóa nợ	0	(5.575.895.635)
Số cuối năm dự phòng phải thu	387.870.419	264.503.773
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,39%	0,05 %
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	0,30%	0,24 %

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Nợ phải trả, trong đó:	206.517.285.368	282.316.517.153
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>204.990.559.284</i>	<i>280.571.965.719</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.526.726.084</i>	<i>1.744.551.434</i>
Vốn chủ sở hữu	344.900.381.396	346.495.523.605
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	1,725	1,499
Hệ số khả năng thanh toán nhanh {(Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn}	1,725	1,499
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,598	0,815
Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	0,0005	0,002

- Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí lãi vay	38.245.232	55.996.272
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0,09%	0,09 %

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	2.195.021.793	3.279.187.311
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	<i>2.195.021.793</i>	<i>3.279.187.311</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	1.652.595.437	1.594.022.424
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	<i>1.522.625.352</i>	<i>1.434.509.565</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>129.970.085</i>	<i>159.512.859</i>
(A) – (B)	542.426.356	1.685.164.887
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	<b>1,28%</b>	<b>2,75 %</b>

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.
- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được về công tác quản trị công ty:
  - + Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
  - + Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.
  - + Ban hành Quy chế quản lý công nợ để quy định rõ và siết chặt việc quản lý công nợ đối với các khách hàng, các quy định quản lý nội bộ.
  - + Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.
  - + Tiếp tục sửa đổi Quy chế tiền lương đã ban hành cho phù hợp với những quy định mới về tiền lương và phù hợp với tình hình thực tế sau một thời gian áp dụng quy chế mới, khắc phục những vấn đề còn bất cập trong quy chế tiền lương.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

#### **\* Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:**

- Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan;
- Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động marketing tới các chủ tàu, các chủ hàng lớn; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn để phát triển chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng như dịch vụ đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa v.v để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ trọn gói cho khách hàng;
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, nhất là quản trị tài chính.
- Duy trì các khách hàng hiện hữu, thu hút thêm khách hàng mới.
- Tiến hành thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng 06 tháng/lần và phần đầu đạt tối thiểu 80% khách hàng có phản hồi tốt về chất lượng dịch vụ do Công ty cung cấp.
- Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống các chỉ tiêu BSC-KPI tại Công ty.
- Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Quy chế tiền lương gắn với hệ thống các chỉ tiêu BSC-KPI.
- Triển khai sử dụng phần mềm kho dữ liệu và báo cáo thống kê (MIS-BI) tại Công ty.

#### 4.1. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	KH 2020	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	
2	Tổng doanh thu	905.252.994.383	900.000.000.000	
3	Doanh thu kinh doanh	878.333.399.910	843.000.000.000	
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.194.940.181	42.000.000.000	
5	Lợi nhuận sau thuế	36.313.548.374	36.200.000.000	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.241	2.157	
7	Cổ tức (%)	10%	10%	

#### 4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2020:

4.2.1 - Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2019: Không có.

4.2.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2020:

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
<b>VOSA QUẢNG NINH</b>					
1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	10.200 m <sup>2</sup>	6.500	Vốn tự có	2018-2020
2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới 450 md tường rào, cầu cân 80T, nhà bảo vệ.	2.700	Vốn tự có	Dự kiến thực hiện sau khi Ban QL khu KT QN hoàn thành công tác GPMB tuyến đường gom khu CN Cái Lân, đến nay công tác GPMB chưa hoàn thành. (2018-2020)
3	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	Sửa chữa cải tạo khoản 1.100 m <sup>2</sup> nhà văn phòng làm việc	3.750	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
<b>NORTHFREIGHT</b>					
6	Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho CFS	Lắp đặt mới hệ thống chữa cháy tự động cho 2.834 m <sup>2</sup> kho CFS	1.200	Vốn tự có	2020
<b>VOSA HẢI PHÒNG</b>					
7	Cải tạo sửa chữa nhà kho lưu trữ cơ quan	Sửa chữa cải tạo	300	Vốn tự có	2020
<b>VOSA SÀI GÒN</b>					
8	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	Bán hầm + 09 tầng nổi (tầng trệt, tầng lửng, 06 lầu, tầng sân thượng và mái che cầu thang) trên diện tích 361,1m <sup>2</sup>	5.000	Vốn tự có	Quý I/2020 đến Quý II/2021
<b>VOSA VŨNG TÀU</b>					
9	Sửa chữa, tu bổ mặt tiền trụ sở	Sửa chữa cải tạo	120	Vốn tự có	Quý II/2021

- Tổng giá trị đầu tư: 22.270.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: trích từ Quỹ đầu tư phát triển.

**5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 6, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty:**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Năm 2019 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định do ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc và đặc biệt là tình hình hàng hóa biên mậu Việt - Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan mặc dù đã dần khôi phục so với năm 2018, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng; đại lý liner cũng cạnh tranh khốc liệt, hãng tàu Namsung Shipping tách ra tự thành lập Công ty; phí đại lý ngày càng giảm sâu. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và ổn định được các dịch vụ cốt lõi, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, có hiệu quả. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 2.241 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính dần được siết chặt, việc bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình;

- Công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- Hội đồng quản trị đánh giá nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ thông qua, nhưng chậm triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 4) trong năm 2019. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- Ban Tổng giám đốc hiện tại chỉ còn 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách và 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc chi nhánh, nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành công tác SXKD.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2019.

## **3. Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã gặp nhiều khó khăn, thách thức ngay từ đầu năm, dự báo sẽ ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu do Đại dịch Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm.

- Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng chiến lược phát triển và mục tiêu cho năm 2020 như sau:

+ Định hướng chiến lược phát triển ngành nghề đại lý hàng hải - logistics gắn với tập trung phát triển đầu tư một số dự án cảng thủy nội địa và ICD tại khu vực trung tâm sản xuất hàng hóa phía Bắc; triển khai thực hiện phương án, dự án khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính, nhà đất, kho bãi hiện có của Công ty.

+ Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực về đại lý hàng hải chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu SXKD kết hợp với tăng cường quản lý nhân sự, tạo nguồn cán bộ kế cận có năng lực và đạo đức để công ty phát triển ổn định.

+ Thực hiện mục tiêu tinh giản bộ máy (nhân sự các cấp trung gian), SXKD gọn nhẹ và hiệu quả; đồng thời tiết giảm chi phí quản lý, điều hành và SXKD; nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	0,00	Thành viên điều hành	1	Bắt đầu từ 26/06/2019
2	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách	0,01	Thành viên điều hành	1	
3	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0	
4	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương	0,02	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	6,95	Thành viên không điều hành	2	Bắt đầu từ 26/06/2019
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	
7	Nguyễn Thế Tiếp	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
8	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	2	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
9	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	2	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
10	Hoàng Hoa Phòng	Thành viên HĐQT	0,02	Thành viên không điều hành	1	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
11	Trần Ngọc Lê	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và 14 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác SXKD, đầu tư XDCB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2019.



d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT	
2	Hoàng Việt	Trưởng BKS	

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên BKS	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	0,0086	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
5	Lê Hoàng	Thành viên BKS	0,0043	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
6	Vũ Xuân Hưng	Thành viên BKS	0,0009	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	3/3	100%	
2	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên BKS	26/06/2019	2/2	100%	Bắt đầu từ 26/06/2019
3	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	3/3	100%	
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
5	Lê Hoàng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
6	Vũ Xuân Hưng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2018 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính của VOSA Quảng Ninh và VP VOSA.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

**\* Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2018 của công ty:**

- Hoạt động kinh doanh:

+ Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2019 của Công ty và tổng nhất đánh giá như sau:

+ Năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt, gặp nhiều khó khăn dẫn đến chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

**\* Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019:**

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2018 (20% bằng tiền mặt) cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2019; phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

**\* Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

**\* Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

**- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

+ Năm 2019, HĐQT đã thực hiện 04 lần họp và 14 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 20 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và

quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất kịp thời chỉ đạo Công ty cố gắng hoàn thành các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 và HĐQT cũng đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán với các đơn vị hạch toán phụ thuộc còn tồn tại yếu kém, tuân thủ các quy định của Pháp luật;

+ Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

#### **- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT. Tuy nhiên kết quả kinh doanh chưa đạt được như kế hoạch.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc chưa hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

#### **\* Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cân trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện kiểm tra một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

#### **\* Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị được kiểm tra rút kinh nghiệm theo các ý kiến của Ban Kiểm soát tại Biên bản kiểm tra và chỉ đạo Ban Tài chính kế toán, Ban Quản lý đầu tư rà soát để chấn chỉnh các sai sót tương tự (nếu có) tại Văn phòng và các chi nhánh khác nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định về công tác quản lý tài chính kế toán.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua ngày 26/06/2019.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.044.000.000
1.1	Thù lao của thành viên HĐQT (bình quân 9 triệu đồng/người/tháng): 07 người	756.000.000
1.2	Thù lao của thành viên BKS (bình quân 6 triệu đồng/người/tháng): - 06 tháng đầu năm: 05 người. - 06 tháng cuối năm: 03 người.	288.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BDH và BKS	0
	Cộng	<b>1.044.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2019, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và cổ đông.

**\* Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:**

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông còn chậm trễ, chưa đúng thời hạn quy định, Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

## VII. Báo cáo tài chính:

- Đề nghị xem toàn bộ Báo cáo tài chính đính kèm hoặc tại đường link sau:

<http://vosa.com.vn/Thong-tin-co-dong/Bao-cao-tai-chinh-nam-2019-da-duoc-kiem-toan---Ngay-23-03-2020-603.html>

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật  
Của Công ty



Nguyễn Thị Thanh Trang

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Vũ Xuân Trung	Phó chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên	
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	
Ông Ngô Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Trần Ngọc Lê	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Trần Hồng Quang	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Bích Thảo	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách**



**Nguyễn Thị Thanh Trang**



Số: 230320.002/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 15/08/2018 và ngày 29/03/2019.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020*

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Ngô Minh Quý**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

**Kiểm toán viên**

**Lê Kim Yến**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>353.699.815.285</b>	<b>420.529.046.220</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>179.783.658.944</b>	<b>172.124.412.050</b>
111	1. Tiền		96.969.094.560	127.124.412.050
112	2. Các khoản tương đương tiền		82.814.564.384	45.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>61.001.500.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	61.001.500.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>152.727.655.596</b>	<b>176.440.421.224</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	127.951.898.085	149.394.512.318
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4.782.213.488	7.300.597.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	20.381.414.442	20.009.815.531
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(387.870.419)	(264.503.773)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>20.188.500.745</b>	<b>10.962.712.946</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.676.992.016	174.189.151
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.738.242.833	10.750.702.312
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	773.265.896	37.821.483
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>197.717.851.479</b>	<b>208.282.994.538</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.263.634.652</b>	<b>8.874.733.470</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	9.263.634.652	8.874.733.470
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>79.553.590.643</b>	<b>75.084.256.497</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.181.554.230	56.295.762.357
222	- Nguyên giá		153.402.164.777	144.420.383.738
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.220.610.547)	(88.124.621.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.372.036.413	18.788.494.140
228	- Nguyên giá		20.767.171.024	22.381.234.828
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.395.134.611)	(3.592.740.688)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>33.414.180.654</b>	<b>37.380.390.952</b>
231	- Nguyên giá		74.584.104.356	74.584.104.356
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.169.923.702)	(37.203.713.404)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>200.522.727</b>	<b>11.779.255.082</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	200.522.727	11.779.255.082
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>14.148.291.148</b>	<b>13.591.049.498</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.248.600.000	4.458.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.614.263.664	11.614.263.664
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.714.572.516)	(2.481.214.166)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>61.137.631.655</b>	<b>61.573.309.039</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	61.137.631.655	61.573.309.039
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>551.417.666.764</b>	<b>628.812.040.758</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>206.517.285.368</b>	<b>282.316.517.153</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>204.990.559.284</b>	<b>280.571.965.719</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	81.522.399.140	103.522.121.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7.604.786.398	17.431.115.653
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.417.131.218	12.928.756.880
314	4. Phải trả người lao động		16.890.422.865	28.320.939.746
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.187.977.077	5.137.314.039
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	280.000.000	181.818.182
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	78.928.657.379	105.293.523.420
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	60.000.000	156.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.099.185.207	7.600.376.157
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.526.726.084</b>	<b>1.744.551.434</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	500.000.000	500.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	891.726.084	801.551.434
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	135.000.000	443.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>344.900.381.396</b>	<b>346.495.523.605</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>344.900.381.396</b>	<b>346.495.523.605</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		140.964.860.000	140.964.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		140.964.860.000	140.964.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		113.346.962.745	103.029.036.365
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.240.002.725	14.246.587.566
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.348.555.926	88.255.039.674
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		40.035.007.552	36.665.407.774
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.313.548.374	51.589.631.900
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>551.417.666.764</b>	<b>628.812.040.758</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập

Trần Thị Huế

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Võ Trung Thắng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Thanh Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	878.333.399.910	914.803.795.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		878.333.399.910	914.803.795.976
11	4. Giá vốn hàng bán	24	788.997.020.878	822.462.551.190
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.336.379.032	92.341.244.786
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	25.434.726.141	59.806.906.489
22	7. Chi phí tài chính	26	3.924.395.037	4.362.890.560
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.245.232	55.996.272
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	69.275.455.038	85.275.113.420
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.571.255.098	62.510.147.295
31	11. Thu nhập khác	28	1.484.868.332	406.996.462
32	12. Chi phí khác	29	861.183.249	1.582.596.462
40	13. Lợi nhuận khác		623.685.083	(1.175.600.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.194.940.181	61.334.547.295
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	5.881.391.807	9.744.915.395
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.313.548.374	51.589.631.900
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.241	3.096

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Chủ Tổng Giám đốc phụ trách



Trần Thị Huệ



Võ Trung Thắng



Nguyễn Thị Thanh Trang

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.194.940.181	61.334.547.295
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.672.432.421	11.887.158.095
03	Các khoản dự phòng		(5.619.554.154)	2.309.852.044
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		129.970.085	159.512.859
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.595.601.301)	(56.864.173.723)
06	Chi phí lãi vay		38.245.232	55.996.272
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.820.432.464	18.882.892.842
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		21.585.117.832	(8.721.354.218)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		-	877.500
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(69.805.793.559)	6.469.764.822
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.641.989.588)	381.275.922
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.245.232)	(55.996.272)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.878.964.919)	(8.628.614.388)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.216.909.533)	(6.725.547.681)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.176.352.535)	1.603.298.527
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.079.253.762)	(16.678.753.055)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.413.190.908	336.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	(29.501.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.001.500.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị		(2.790.600.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	67.565.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.264.535.782	22.383.114.440
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		79.809.372.928	44.104.815.930

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Năm 2019*  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	2.968.889.940
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(404.000.000)	(2.809.889.940)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở		(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(27.846.327.000)</i>	<i>(25.486.905.500)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.786.693.393	20.221.208.957
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		172.124.412.050	151.791.888.918
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(127.446.499)	111.314.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>179.783.658.944</u>	<u>172.124.412.050</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập

Trần Thị Huệ

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Võ Trung Thắng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Thanh Trang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2019*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VND tương đương với 14.096.486 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

- Dịch vụ, thương mại hàng hải.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan);
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistics và kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông - hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, đại lý ký gửi hàng, vận tải đa phương quốc tế, dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic, mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở) và dịch vụ khai thuê hải quan.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).



<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Kiểm đếm hàng rời, hàng công; Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng Hải và Thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.11. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	34 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

**2.12. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.14. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.16. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.17. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.18. Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.20. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.22. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**2.23. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.24. Doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.26. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.27. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**2.29. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.30 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.31 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.004.494.088	3.001.872.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.964.600.472	124.122.539.489
Các khoản tương đương tiền (*)	82.814.564.384	45.000.000.000
	<b>179.783.658.944</b>	<b>172.124.412.050</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,2%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>61.001.500.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-
	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>61.001.500.000</b>	-

(\*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>7.248.600.000</b>		<b>(3.739.572.516)</b>	<b>4.458.000.000</b>		<b>(2.481.214.166)</b>
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000		(3.739.572.516)	4.458.000.000		(2.481.214.166)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>11.614.263.664</b>	<b>1.545.000.000</b>	<b>(975.000.000)</b>	<b>11.614.263.664</b>		-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	7.400.160.000		-	7.400.160.000		-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần (Mã TVN) (*)	2.020.000.000	1.300.000.000	(720.000.000)	2.020.000.000		-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (Mã VLG) (*)	500.000.000	245.000.000	(255.000.000)	500.000.000		-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.072.836.000		-	1.072.836.000		-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	63.746.040		-	63.746.040		-
- Công ty liên doanh Bông Sen	557.521.624		-	557.521.624		-
	<b>18.862.863.664</b>	<b>1.545.000.000</b>	<b>(4.714.572.516)</b>	<b>16.072.263.664</b>	-	<b>(2.481.214.166)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2019, đối với cổ phiếu niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

<sup>(1)</sup> Ngày 16/07/2017, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) liên doanh thành lập Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) với vốn điều lệ 1.000.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 20%. Tháng 05/2019, Liên doanh đã tăng vốn điều lệ lên 1.600.000 USD với tỷ lệ góp vốn giữ nguyên. Đến thời điểm 31/12/2019, VOSA đã góp đủ vốn điều lệ 320.000 USD (tương đương 7.248.600.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	Thành phố Hà Nội	0,078%	0,078%	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Thành phố Hà Nội	0,03%	0,03%	Khai thác quặng sắt; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	0,35%	0,35%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam <sup>(2)</sup>	Thành phố Hà Nội	51,00%	0,00%	Vận tải đường bộ, giao nhận và cho thuê kho bãi; làm thủ tục hải quan, môi giới.
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam <sup>(3)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Liên doanh Bông Sen <sup>(4)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	0,27%	0,27%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.

<sup>(2)</sup> Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Đối với phần lợi nhuận từ liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

#### **4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

<sup>(3)</sup> Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014-2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA chỉ được nhận khoản lợi tức đảm bảo và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

<sup>(4)</sup> Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	9.106.935.172	-	14.487.609.354	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	10.294.179.846	-	12.598.464.466	-
- Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	6.692.862.365	-	13.313.411.970	-
- Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	2.855.194.518	-	-	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	3.988.405.994	-	3.104.899.158	-
- Công ty TNHH CK LINE Việt Nam	1.447.123.312	-	3.514.703.287	-
- Công ty TNHH Hóa chất Taiko - Đại Hùng	6.840.545.737	-	4.428.735.240	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	86.726.651.141	(291.273.013)	97.946.688.843	(167.906.367)
	<b>127.951.898.085</b>	<b>(291.273.013)</b>	<b>149.394.512.318</b>	<b>(167.906.367)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>198.010.683</b>	<b>-</b>	<b>125.410.683</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)*

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vinam Petrol	-	-	4.516.241.045	-
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	849.970.753	-	1.019.993.582	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	1.000.000.000	-	511.905.331	-
- Trả trước cho người bán khác	2.932.242.735	-	1.252.457.190	-
	<b>4.782.213.488</b>	<b>-</b>	<b>7.300.597.148</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	70.000.000	-	35.000.000	-
- Phải thu về tạm ứng	6.612.572.466	-	6.874.885.420	-
- Ký cược, ký quỹ	993.700.000	-	1.149.245.000	-
- Chi hệ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	11.794.870.336	(96.597.406)	9.814.041.039	(96.597.406)
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	438.519.527	-	1.498.350.961	-
- Phải thu tiền cược cont	-	-	352.000.000	-
- Phải thu khác	471.752.113	-	286.293.111	-
	<b>20.381.414.442</b>	<b>(96.597.406)</b>	<b>20.009.815.531</b>	<b>(96.597.406)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	9.263.634.652	-	8.874.733.470	-
	<b>9.263.634.652</b>	<b>-</b>	<b>8.874.733.470</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	125.410.683	62.705.341
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Niềm tin Vàng	25.826.872	12.913.436	-	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải thủy và Thương mại Tấn Hưng	116.164.246	81.314.972	-	-
+ Shipping Corporation of India	96.597.406	-	96.597.406	-
+ Các đối tượng khác	149.701.456	31.601.836	129.458.481	24.257.456
	<b>513.700.663</b>	<b>125.830.244</b>	<b>351.466.570</b>	<b>86.962.797</b>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà văn phòng Vitamas	-	5.444.003.264
- Dự án xe đầu kéo, mi rơ móc North Freight	-	6.295.251.818
- Công trình khác	200.522.727	40.000.000
	<b>200.522.727</b>	<b>11.779.255.082</b>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	92.728.071.790	38.015.819	46.860.558.242	4.793.737.887	144.420.383.738
- Mua trong năm	-	-	8.238.979.999	-	8.238.979.999
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.345.506.118	-	-	-	6.345.506.118
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.430.415.478)	-	(5.430.415.478)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(172.289.600)	-	-	-	(172.289.600)
- Phân loại lại	-	(38.015.819)	-	38.015.819	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>98.901.288.308</b>	<b>-</b>	<b>49.669.122.763</b>	<b>4.831.753.706</b>	<b>153.402.164.777</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	51.354.506.118	38.015.819	32.172.526.296	4.559.573.148	88.124.621.381
- Khấu hao trong năm	3.943.843.509	-	4.466.003.510	66.465.048	8.476.312.067
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.373.121.523)	-	(5.373.121.523)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(7.201.378)	-	-	-	(7.201.378)
- Phân loại lại	(7.145.535)	(38.015.819)	(37.521.192)	82.682.546	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>55.284.002.714</b>	<b>-</b>	<b>31.227.887.091</b>	<b>4.708.720.742</b>	<b>91.220.610.547</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	41.373.565.672	-	14.688.031.946	234.164.739	56.295.762.357
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>43.617.285.594</b>	<b>-</b>	<b>18.441.235.672</b>	<b>123.032.964</b>	<b>62.181.554.230</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.522.078.131 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.366.192.989 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
- Mua trong năm	-	73.500.000	73.500.000
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(1.687.563.804)	-	(1.687.563.804)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.659.091.724</b>	<b>2.108.079.300</b>	<b>20.767.171.024</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.588.716.942	2.004.023.746	3.592.740.688
- Khấu hao trong năm	208.343.388	21.566.668	229.910.056
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(427.516.133)	-	(427.516.133)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.369.544.197</b>	<b>2.025.590.414</b>	<b>3.395.134.611</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	18.757.938.586	30.555.554	18.788.494.140
Tại ngày cuối năm	17.289.547.527	82.488.886	17.372.036.413

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.984.579.300 VND.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	74.584.104.356	74.584.104.356
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>74.584.104.356</b>	<b>74.584.104.356</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	37.203.713.404	37.203.713.404
- Khấu hao trong năm	3.966.210.298	3.966.210.298
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>41.169.923.702</b>	<b>41.169.923.702</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	37.380.390.952	37.380.390.952
Tại ngày cuối năm	33.414.180.654	33.414.180.654

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	98.666.879	40.718.318
- Chi phí làm hàng	8.392.963.750	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	185.361.387	133.470.833
	<b>8.676.992.016</b>	<b>174.189.151</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	401.564.144	122.752.522
- Tiền thuê đất trả trước (*)	59.593.009.577	59.627.826.538
- Chi phí sửa chữa tài sản	965.016.027	1.743.918.680
- Chi phí trả trước dài hạn khác	178.041.907	78.811.299
	<b>61.137.631.655</b>	<b>61.573.309.039</b>

(\*) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2019 là 56.938.677.244 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2019 là 58.156.616.860 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm 2019 là 1.217.939.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. (Xem thêm thuyết minh 2.16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**14 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	96.000.000	96.000.000	-	96.000.000	-	-
	<b>156.000.000</b>	<b>156.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>156.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	255.000.000	255.000.000	-	60.000.000	195.000.000	195.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	344.000.000	344.000.000	-	344.000.000	-	-
	<b>599.000.000</b>	<b>599.000.000</b>	<b>-</b>	<b>404.000.000</b>	<b>195.000.000</b>	<b>195.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(156.000.000)	(156.000.000)	(60.000.000)	(156.000.000)	(60.000.000)	(60.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>443.000.000</b>	<b>443.000.000</b>			<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(\*) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/NHNT-BĐ ngày 05/02/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000 VND;
- Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ thời điểm giải ngân là 8,6%/năm, và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 24 tháng trả lãi sau của VCB cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 195.000.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 60.000.000 VND.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	831.882.221	831.882.221	8.202.300.393	8.202.300.393
- Iata Vietnam Company Limited	4.431.004.547	4.431.004.547	6.032.842.269	6.032.842.269
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	4.608.170.000	4.608.170.000	7.369.540.200	7.369.540.200
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.147.318.309	3.147.318.309	3.183.195.501	3.183.195.501
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.250.601.027	2.250.601.027	2.017.422.521	2.017.422.521
- Công ty TNHH Thăng Lát	2.696.574.810	2.696.574.810	3.388.011.377	3.388.011.377
- Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh doanh Đầu tư Logistic Expert	2.606.309.971	2.606.309.971	1.653.737.995	1.653.737.995
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.321.430.270	1.321.430.270	1.649.580.950	1.649.580.950
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	5.160.856.547	5.160.856.547	1.827.356.062	1.827.356.062
- Phải trả các đối tượng khác	54.468.251.438	54.468.251.438	68.198.134.374	68.198.134.374
	<b>81.522.399.140</b>	<b>81.522.399.140</b>	<b>103.522.121.642</b>	<b>103.522.121.642</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>742.829.979</b>	<b>742.829.979</b>	<b>2.496.991.841</b>	<b>2.496.991.841</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trumpway International Trading Limited	-	1.940.083.104
- Fortune Maker Global LTD	-	4.051.816.008
- Các khoản phải trả khác	7.604.786.398	11.439.216.541
	<b>7.604.786.398</b>	<b>17.431.115.653</b>

## 17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	637.482.211	9.845.290.905	9.752.234.656	-	749.799.384
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	812.279.406	812.279.406	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.748.904.789	5.881.391.807	6.878.964.919	-	751.331.677
- Thuế thu nhập cá nhân	36.821.483	522.378.263	2.683.622.196	3.245.461.934	273.265.897	196.982.939
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.509.244.792	4.723.075.687	5.813.227.379	-	419.093.100
- Các loại thuế khác	1.000.000	8.510.746.825	31.318.796.447	37.529.222.361	499.999.999	2.799.320.910
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	-	8.510.746.825	31.299.796.447	37.511.222.361	499.999.999	2.799.320.910
+ Các loại thuế khác	1.000.000	-	19.000.000	18.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	714.974.774	214.371.566	-	500.603.208
	<b>37.821.483</b>	<b>12.928.756.880</b>	<b>55.979.431.222</b>	<b>64.245.762.221</b>	<b>773.265.896</b>	<b>5.417.131.218</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Trích trước chi phí làm hàng	2.364.278.379	2.375.423.117
- Trích trước chi phí vận chuyển	395.495.395	92.089.504
- Trích trước giá vốn	-	435.280.000
- Chi phí tư vấn, giám sát và thi công nhà 44 - 46 Nguyễn Tất Thành	344.029.441	1.382.336.713
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.084.173.862	852.184.705
	<b>4.187.977.077</b>	<b>5.137.314.039</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	1.247.092.939	1.001.818.293
- Bảo hiểm xã hội	18.899.964	59.320.844
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.253.903.335	503.258.335
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.326.885.729	11.974.372.742
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	46.559.270.796	69.379.493.472
- Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	18.279.722.619	18.163.594.717
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	505.494.557	474.277.577
	<b>78.928.657.379</b>	<b>105.293.523.420</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	891.726.084	801.551.434
	<b>891.726.084</b>	<b>801.551.434</b>

**20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	280.000.000	181.818.182
	<b>280.000.000</b>	<b>181.818.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>128.149.940.000</b>	<b>106.923.530.597</b>	<b>13.661.445.019</b>	<b>78.681.966.290</b>	<b>327.416.881.906</b>
Tăng vốn trong năm trước	12.814.920.000	(12.814.920.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	51.589.631.900	51.589.631.900
Trích lập các quỹ	-	8.920.425.768	1.338.063.865	(10.258.489.633)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.128.080.883)	(6.128.080.883)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(25.629.988.000)	(25.629.988.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(752.921.318)	-	(752.921.318)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>140.964.860.000</b>	<b>103.029.036.365</b>	<b>14.246.587.566</b>	<b>88.255.039.674</b>	<b>346.495.523.605</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>140.964.860.000</b>	<b>103.029.036.365</b>	<b>14.246.587.566</b>	<b>88.255.039.674</b>	<b>346.495.523.605</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	36.313.548.374	36.313.548.374
Trích lập các quỹ (*)	-	10.317.926.380	1.547.688.957	(11.865.615.337)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(8.161.444.785)	(8.161.444.785)
Chi trả cổ tức năm nay	-	-	-	(28.192.972.000)	(28.192.972.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.554.273.798)	-	(1.554.273.798)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>140.964.860.000</b>	<b>113.346.962.745</b>	<b>14.240.002.725</b>	<b>76.348.555.926</b>	<b>344.900.381.396</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	100,00	51.589.631.900
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	10.317.926.380
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15,00	7.738.444.785
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,82	423.000.000
Trích quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	3,00	1.547.688.957
Chi trả cổ tức 20%/vốn điều lệ (trương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 đồng)	54,65	28.192.972.000
Lợi nhuận còn lại năm 2018 chưa phân phối	6,53	3.369.599.778

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	51,05	71.968.380.000	51,05	71.968.380.000
- Các cổ đông khác	48,95	68.996.480.000	48,95	68.996.480.000
	<b>100</b>	<b>140.964.860.000</b>	<b>100</b>	<b>140.964.860.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	128.149.940.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	12.814.920.000
- Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	503.258.335	519.175.835
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	28.192.972.000	25.629.988.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	28.192.972.000	25.629.988.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.253.903.335	503.258.335

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	113.346.962.745	103.029.036.365
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	14.240.002.725	14.246.587.566
	<b><u>127.586.965.470</u></b>	<b><u>117.275.623.931</u></b>

(\*) Chi tiết bao gồm:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ	11.650.000.000	11.650.000.000
Quy đối ngoại phát triển kinh doanh	2.590.002.725	2.596.587.566
	<b><u>14.240.002.725</u></b>	<b><u>14.246.587.566</u></b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt chi nhánh để sử dụng với mục đích làm kho bãi cung cấp dịch vụ thời hạn từ 02 đến 50 năm. Tổng diện tích khu đất thuê là 115.099 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	6.566.526.837	9.079.884.344
- Trên 1 năm đến 5 năm	16.084.719.291	16.410.375.146
- Trên 5 năm	69.324.407.057	70.273.366.172
	<b><u>91.975.653.185</u></b>	<b><u>95.763.625.662</u></b>

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ (USD)	2.573.438,56	2.880.559,00

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Daiichia Chuo Marine Co., Ltd	5.575.895.635	5.575.895.635
	<b><u>5.575.895.635</u></b>	<b><u>5.575.895.635</u></b>

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu đại lý tàu	102.400.542.834	102.947.565.573
Doanh thu đại lý vận tải	565.213.720.582	622.660.863.658
Doanh thu kinh doanh kho bãi	110.489.967.829	78.462.396.652
Doanh thu kiểm kiện	26.810.331.787	26.726.437.630
Doanh thu đại lý Liner	22.387.130.550	27.533.693.724
Doanh thu dịch vụ khác	51.031.706.328	56.472.838.739
	<b>878.333.399.910</b>	<b>914.803.795.976</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)</i>	<b>506.760.540</b>	<b>212.721.448</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn đại lý tàu	75.772.622.888	78.034.618.971
Giá vốn đại lý vận tải	540.938.532.259	594.168.705.809
Giá vốn kinh doanh kho bãi	103.221.250.225	71.252.004.103
Giá vốn kiểm kiện	15.563.079.233	17.182.463.559
Giá vốn đại lý Liner	11.092.382.642	13.853.839.874
Giá vốn dịch vụ khác	42.409.153.631	47.970.918.874
	<b>788.997.020.878</b>	<b>822.462.551.190</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.581.257.413	6.260.315.031
Lãi bán các khoản đầu tư	-	33.614.278.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.658.446.935	16.653.125.329
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.195.021.793	3.279.187.311
	<b>25.434.726.141</b>	<b>59.806.906.489</b>
<b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</b>		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)</i>	<b>16.658.446.935</b>	<b>16.653.125.329</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.245.232	55.996.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.522.625.352	1.434.509.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	129.970.085	159.512.859
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.233.358.350	2.279.939.412
Chi phí tài chính khác	196.018	432.932.452
	<b>3.924.395.037</b>	<b>4.362.890.560</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.530.947.550	3.439.599.828
Chi phí nhân công	46.352.123.140	47.846.473.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.176.874.283	2.847.990.415
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(7.852.912.504)	7.186.191.782
Thuế, phí, lệ phí	5.533.519.026	4.910.065.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.599.921.645	15.912.500.880
Chi phí khác bằng tiền	2.934.981.898	3.132.291.602
	<b>69.275.455.038</b>	<b>85.275.113.420</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.355.896.953	336.454.545
Thu nhập khác	128.971.379	70.541.917
	<b>1.484.868.332</b>	<b>406.996.462</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	811.848.857	1.572.692.875
Chi phí khác	49.334.392	9.903.587
	<b>861.183.249</b>	<b>1.582.596.462</b>



**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	42.194.940.181	61.334.547.295
Các khoản điều chỉnh tăng	2.040.977.638	2.392.588.070
- Chi phí không hợp lệ	369.167.105	140.011.192
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	193.584.598	323.052.003
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	304.167.901	-
- Tiền phạt vi phạm hành chính	818.858.034	1.572.692.875
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	355.200.000	356.832.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.041.359.382)	(31.087.846.334)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(59.860.444)	(304.167.901)
- Hoàn nhập lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước	(323.052.003)	(23.139.482)
- Cổ tức được chia	(16.658.446.935)	(16.653.125.329)
- Chênh lệch góp vốn VosaLan đã tính tại BB xác nhận số liệu tổng hợp và QĐ 1706/QĐ-CT ngày 23/04/2018 "V/v xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh"	-	(14.107.413.622)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	27.194.558.437	32.639.289.031
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.438.911.687</b>	<b>6.527.857.806</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	442.480.120	3.217.057.589
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.748.904.789	632.603.782
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.878.964.919)	(8.628.614.388)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>751.331.677</b>	<b>1.748.904.789</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.313.548.374	51.589.631.900
Các khoản điều chỉnh	(4.720.761.289)	(7.949.944.785)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(4.720.761.289)	(7.949.944.785)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.592.787.085	43.639.687.115
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.241</b>	<b>3.096</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 12% và 1% Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2019.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	10.367.286.630	7.923.407.592
Chi phí nhân công	112.041.590.894	113.408.617.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.672.432.421	11.887.158.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.650.039.596	732.445.967.064
Chi phí khác bằng tiền	33.394.038.879	36.312.693.191
	<b>866.125.388.420</b>	<b>901.977.843.465</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	172.124.412.050	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.596.947.179	(387.870.419)	178.279.061.319	(264.503.773)
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-
Đầu tư dài hạn	2.520.000.000	(975.000.000)	2.520.000.000	-
	<b>340.900.606.123</b>	<b>(1.362.870.419)</b>	<b>413.924.973.369</b>	<b>(264.503.773)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	195.000.000	599.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	161.342.782.603	209.617.196.496
Chi phí phải trả	4.687.977.077	5.637.314.039
	<b>166.225.759.680</b>	<b>215.853.510.535</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000
	-	-	<b>1.545.000.000</b>	<b>1.545.000.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	2.520.000.000	2.520.000.000
	-	-	<b>2.520.000.000</b>	<b>2.520.000.000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	-	179.783.658.944
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.945.442.108	9.263.634.652	-	157.209.076.760
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	<b>328.729.101.052</b>	<b>9.263.634.652</b>	-	<b>337.992.735.704</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.124.412.050	-	-	172.124.412.050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	169.139.824.076	8.874.733.470	-	178.014.557.546
Các khoản cho vay	61.001.500.000	-	-	61.001.500.000
	<b>402.265.736.126</b>	<b>8.874.733.470</b>	-	<b>411.140.469.596</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	60.000.000	135.000.000	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	160.451.056.519	891.726.084	-	161.342.782.603
Chi phí phải trả	4.187.977.077	-	500.000.000	4.687.977.077
	<b>164.699.033.596</b>	<b>1.026.726.084</b>	<b>500.000.000</b>	<b>166.225.759.680</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	156.000.000	443.000.000	-	599.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	208.815.645.062	801.551.434	-	209.617.196.496
Chi phí phải trả	5.137.314.039	-	500.000.000	5.637.314.039
	<b>214.108.959.101</b>	<b>1.244.551.434</b>	<b>500.000.000</b>	<b>215.853.510.535</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	2.968.889.940
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	404.000.000	2.809.889.940

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

**Bên liên quan**

- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitraschart)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam
- Công ty liên doanh Bông Sen

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty nhận vốn đầu tư
- Bên liên doanh
- Công ty nhận vốn đầu tư
- Công ty nhận vốn đầu tư

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>506.760.540</b>	<b>212.721.448</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	108.000.000	108.305.098
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitraschart)	30.305.000	12.727.273
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	88.083.500	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	15.427.727
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	5.915.000	8.941.350
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	68.685.473	67.320.000
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	66.770.050	-
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	139.001.517	-
<b>Chia trả Cổ tức</b>	<b>14.393.676.000</b>	<b>13.085.160.000</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	14.393.676.000	13.085.160.000
<b>Góp vốn</b>	<b>2.790.600.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	2.790.600.000	-
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>16.658.446.935</b>	<b>16.653.125.329</b>
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	35.000.000	35.000.000
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	15.674.393.059	15.674.468.059
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	926.400.000	911.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	22.653.876	32.657.270

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>198.010.683</b>	<b>125.410.683</b>
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	72.600.000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>742.829.979</b>	<b>2.496.991.841</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	164.448.000
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	611.441.244	766.765.382
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	1.051.971.032
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	131.388.735	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	-	513.807.427
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>99.379.945</b>	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	33.311.704	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	66.068.241	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.176.775.392	1.535.386.541
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.661.993.329	4.540.559.636

### 37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

	Mã số	Trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước
		VND	VND
<b>Báo cáo Kết quả kinh doanh</b>			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	MS 70	3.096	3.217

Người lập

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc phụ trách





Trần Thị Huệ

Võ Trung Thắng

Nguyễn Thị Thanh Trang